

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DS-ST
Ngày 29-01-2021.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Xuân Hào;

Bà Lê Thị Phương Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thu Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 220/2020/TLST-DS ngày 07/12/2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Xuân T, sinh năm 1972, bà Bùi Thị N, sinh năm 1974; cùng địa chỉ: Ấp BA, xã AB, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Đại diện theo ủy quyền của ông Lê Xuân T là bà Bùi Thị N (văn bản ủy quyền ngày 05/8/2020); có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Hồng Đ, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp BT, xã AB, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Bùi Thị N trình bày: Do có quen biết nhau nên ngày 23/01/2020 vợ chồng bà N, ông T có cho bà Trần Thị Hồng Đ vay số tiền 26.000.000 đồng (Hai mươi sáu triệu đồng), việc vay mượn có làm giấy biên

nhận và bà Đào có ký, ghi rõ họ tên vào giấy biên nhận. Các bên thỏa thuận thời gian vay là 6 tháng, từ ngày 23/01/2020 đến ngày 23/7/2020, lãi suất là 1%/tháng. Tuy nhiên, sau khi vay cho đến nay dù đã hết thời gian trả nợ và vợ chồng bà N, ông T có yêu cầu trả tiền nhưng bà Đào vẫn cố tình lẩn tránh không chịu trả. Nay, bà N, ông T yêu cầu bà Đào trả số tiền nợ gốc là 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng), tiền lãi là 2.600.000 đồng (hai triệu sáu trăm nghìn đồng), tổng cộng là 28.600.000 đồng (hai mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/12/2020, bị đơn bà Trần Thị Hồng Đ trình bày: Do có quen biết nhau nên ngày 23/01/2020 vợ chồng bà N, ông T có cho bà Trần Thị Hồng Đ vay số tiền 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng), việc vay mượn có làm giấy biên nhận và bà Đào có ký, ghi rõ họ tên vào giấy biên nhận. Các bên thỏa thuận thời gian vay là 6 tháng, từ ngày 23/01/2020 đến ngày 23/7/2020, lãi suất là 1%/tháng. Tuy nhiên, sau khi vay cho đến nay dù đã hết thời gian trả nợ nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chưa có điều kiện để trả cho bà N, ông T. Nay, bà N, ông T yêu cầu bà Đào trả số tiền nêu trên thì bà Đào đồng ý nhưng cho bà Đào trả dần.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi kết thúc phần tranh luận và đối đáp, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng như Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu có trong hồ sơ, căn cứ vào lời khai của bị đơn có căn cứ xác định bị đơn có nợ số tiền 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng), nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền, bị đơn đồng ý nhưng yêu cầu cho trả dần nhưng nguyên đơn không đồng ý, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án thì bà N, ông T khởi kiện yêu cầu bà Đào trả số tiền 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng) và tiền lãi là 2.600.000 đồng (hai triệu sáu trăm nghìn đồng) tổng cộng là 28.600.000 đồng (hai mươi tám triệu sáu

trăm nghìn đồng). Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn hiện cư trú tại xã AB, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo giải quyết nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để giải quyết vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về nội dung tranh chấp: Do có quen biết nhau nên ngày 23/01/2020 vợ chồng bà N, ông T có cho bà Trần Thị Hồng D vay số tiền 26.000.000 đồng (Hai mươi sáu triệu đồng), việc vay mượn có làm giấy biên nhận và bà Đào có ký, ghi rõ họ tên vào giấy biên nhận. Các bên thỏa thuận thời gian vay là 6 tháng, từ ngày 23/01/2020 đến ngày 23/7/2020, lãi suất là 1%/tháng. Tuy nhiên, sau khi vay cho đến nay dù đã hết thời gian trả nợ và vợ chồng bà N, ông T có yêu cầu trả tiền nhưng bà Đào vẫn cố tình lẩn tránh không chịu trả. Nay, bà N, ông T yêu cầu bà Đào trả số tiền nợ gốc là 26.000.000 đồng (Hai mươi sáu triệu đồng), tiền lãi là 2.600.000 đồng (hai triệu sáu trăm nghìn đồng), tổng cộng là 28.600.000 đồng (hai mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng).

Bị đơn bà Đào thừa nhận có vay số tiền 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng) của bà N, ông T, có ký, ghi rõ họ tên vào giấy biên nhận, các bên thỏa thuận 06 tháng sẽ trả lại số tiền trên cho bà N, ông T nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên không trả được. Việc thừa nhận của bị đơn là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Đào cho rằng hoàn cảnh khó khăn nên chưa trả được cho bà N, ông T, xin được trả dần nhưng không được bà N, ông T đồng ý. Do vậy, cần buộc bị đơn trả số tiền nợ nêu trên cho nguyên đơn.

[4] Về lãi suất: Trên giấy biên nhận các bên thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng kể từ ngày 23/01/2020, tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà N, ông T yêu cầu bị đơn trả tiền lãi là 2.600.000 đồng (hai triệu sáu trăm nghìn đồng) là phù hợp và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về tiền lãi của nguyên đơn.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 71, 92, 147, 161, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 122, 124, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị N, ông Lê Xuân T đối với bị đơn bà Trần Thị Hồng Đ về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bị đơn bà Trần Thị Hồng Đ phải trả cho nguyên đơn bà Bùi Thị N, ông Lê Xuân T số tiền nợ gốc là 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng), tiền lãi là 2.600.000 đồng (hai triệu sáu trăm nghìn đồng), tổng cộng là 28.600.000 đồng (hai mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Hồng Đ phải nộp số tiền 1.430.000 đồng (một triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng)

Trả lại cho nguyên đơn ông Lê Xuân T, bà Bùi Thị N số tiền 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0043751 ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Mạnh